

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/ĐĐBQH-VP

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 02 năm 2019

V/v chuyển văn bản trả lời kiến nghị
của cử tri trước kỳ họp thứ 6,

Quốc hội khóa XIV

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG
Ngày 04-03-2019
ĐỒNG AN ĐẾN SỐ: 850

Kính gửi: Công An tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện chương trình tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV trên địa bàn tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Tuyên Quang đã nhận được kiến nghị của cử tri đề nghị:

1. Xem xét trang bị máy tính và máy in để đảm bảo công tác trong lực lượng công an. Cử tri phản ánh, lực lượng điều tra hiện nay làm việc với khối lượng công việc nhiều, nhưng trang bị phương tiện như máy tính, máy in... là rất hạn chế. Cần quy định 03 cán bộ phải được trang bị 01 bộ máy vi tính, máy in.

2. Luật Phòng, chống ma túy và Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định người nghiện ma túy phải tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của bản thân và đăng ký hình thức cai nghiện với chính quyền cơ sở; gia đình người cai nghiện ma túy có trách nhiệm khai báo với UBND cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó. Tuy nhiên, qua 17 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy hầu như không có trường hợp người nghiện ma túy nào thực hiện trách nhiệm này; tỉ lệ các gia đình khai báo với chính quyền về người nghiện ma túy trong gia đình mình cũng không nhiều, nguyên nhân là do sợ mất uy tín đối với cơ quan, mất thể diện với bạn bè, hàng xóm... Những hành vi này của cá nhân và gia đình là vi phạm pháp luật, cần có chế tài đủ mạnh để xử lý, răn đe.

3. Vận dụng chính sách đối với cán bộ làm công tác hậu cần, kỹ thuật có điểm chưa phù hợp, hợp lý nên chưa thu hút được cán bộ có trình độ: Cán bộ làm công tác quản lý vũ khí chuyên trách ở địa phương không được hưởng phụ cấp đặc thù, bồi dưỡng độc hại. Đề nghị nghiên cứu có chính sách đặc biệt thu hút đối tượng này.

4. Khoản 1 Điều 148 quy định: "Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộ luật này cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đã trưng cầu giám định... nhưng chưa có kết quả; b) đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu... nhưng chưa có kết quả". Trong thực tế đã xuất hiện nhiều tình huống ngoài quy định tại điểm a và b nêu trên như: Khi hết thời hạn quy định tại Điều 147 nhưng không biết người bị tố giác, kiến nghị khởi tố đang ở đâu hoặc khi hết thời hạn quy định tại Điều 147 nhưng chưa rõ đối tượng gây án là ai?. Gặp những tình huống này Cơ quan điều tra khó giải quyết vì không

có căn cứ để ra các Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định không khởi tố vụ án, Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

5. Khoản 4 Điều 123 quy định: "Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của bộ luật này". Trong thực tiễn nhiều trường hợp phải gia hạn thời hạn điều tra vụ án. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự lại không có quy định việc gia hạn thời hạn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Khi gặp trường hợp như nêu trên thì sẽ giải quyết như thế nào?

6. Cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại Điều 123; Tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 124 là 2 biện pháp ngăn chặn có cùng mục đích là đảm bảo an ninh trật tự của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử. Nội dung của Điều 123 đã thể hiện rõ người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thì không thể đi xuất cảnh được.

7. Điều 170 quy định việc nhập hoặc tách vụ án hình sự để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, lại không có quy định rõ trường hợp bị can phạm tội nhiều lần ở nhiều địa phương khác nhau thì có được nhập vụ án không?

8. Điều 171 quy định ủy thác điều tra, tuy nhiên không có quy định về trình tự thủ tục tiến hành. Trình tự, thủ tục trong việc quản lý, bảo quản, xử lý vật chứng, tài liệu, giai đoạn xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

9. Đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 132 Bộ Luật Tố tụng Hình sự quy định: "Văn bản tố tụng gồm lệnh, quyết định, yêu cầu, kết luận điều tra, cáo trạng, bản án và các văn bản tố tụng khác trong hoạt động tố tụng được lập theo mẫu thống nhất"; Khoản 1 Điều 133 quy định: "Khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản theo mẫu thống nhất". Tuy nhiên, bộ biểu mẫu tố tụng hiện hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA, ngày 14/12/2017 của Bộ Công an vẫn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu như: Bản kết luận điều tra bổ sung; Bản kết luận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Đề nghị gia hạn thời hạn điều tra vụ án; Thông báo việc đình chỉ điều tra vụ án; Khám xét phạm nhân sự tham gia của Kiểm sát viên nhưng mẫu biên bản khám xét lại không có phần Kiểm sát viên ...

10. Kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố là hoạt động tố tụng nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ để quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BNN&PTNT-VKSNDTC lại không quy định khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì cơ quan và người có thẩm quyền được tiến hành biện pháp điều tra như: Đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

11. Cần nghiên cứu, bổ sung việc công nhận chức danh nghiệp vụ Kỹ thuật viên nghiệp vụ cho lực lượng giám định viên tư pháp Phòng Kỹ thuật hình sự. Vì, chức danh Giám định viên tư pháp là chức danh được Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định, để cho giám định viên có tư cách pháp lý thực hiện các hoạt động,

tụng (thực hiện hoạt động giám định tố tụng hình sự và dân sự). Còn chức danh Kỹ thuật viên nghiệp vụ là do ngành công an quyết định, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và các chế độ cho cán bộ làm công tác Kỹ thuật hình sự. Nếu không bổ nhiệm chức danh Kỹ thuật viên cho giám định viên tư pháp phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh là một thiệt thòi cho lực lượng này.

12. Xem xét đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho lực lượng công an khi triển khai lực lượng công an chính quy về địa phương làm Trưởng công an xã.

13. Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân ban hành theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41, ngày 20/3/2015 của Bộ Công an đã hết hiệu lực thi hành vì những văn bản quy phạm pháp luật dùng làm căn cứ để ban hành quy trình như: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra năm 2004, Nghị định số 106/2014/NĐ-CP, ngày 17/11/2014 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công an, Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT - Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đều đã hết hiệu lực thi hành. Trong hơn 8 tháng qua một số đơn vị, địa phương vẫn vận dụng thực hiện theo quy trình này, một số đơn vị khác lại cho rằng quy trình đã hết hiệu lực nên không áp dụng nữa, dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật thiếu thống nhất.

14. Căn cứ Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ đang phục vụ trong Công an nhân dân. Có những tiêu chuẩn, định mức đã được quy định nhưng chưa có kinh phí để thực hiện đảm bảo (tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà ở tập thể; định mức đảm bảo nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho cán bộ chiến sỹ;...). Vì vậy, đề nghị Bộ Công an báo cáo trình cấp có thẩm quyền có kế hoạch bổ sung kinh phí hàng năm cho các đơn vị địa phương, đủ để đảm bảo các tiêu chuẩn, định mức theo Nghị định 18/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

15. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã có một số trường hợp sau cao nghiện ma túy trở về từ các cơ sở cai nghiện bắt buộc bị phát hiện tái nghiện. Tuy nhiên, các địa phương đều lúng túng, chưa rõ có đủ điều kiện để lập hồ sơ để đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không hay lại phải áp dụng lại biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Hiện nay, các bộ ngành liên quan chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp này.

16. Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và đấu tranh, xử lý, ngăn chặn đối với các hành vi lợi dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất an toàn, an ninh thông tin và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Chính phủ sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật an ninh mạng.

17. Khoản 2 Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy quy định: "Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thực hiện đúng các phương pháp cai nghiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt". Thực tế công tác cai nghiện đối với các học viên tại Trung tâm

chỉ thực hiện theo nội quy quản lý học viên do Giám đốc Trung tâm ban hành chưa có phương pháp hay phác đồ điều trị cai nghiện do cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn thực hiện. Trong khi chức năng "chữa bệnh" là một trong những nhiệm vụ được Trung tâm đặt lên đầu tiên trong công tác quản lý cai nghiện ma túy. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể.

18. Xem xét củng cố mô hình cai nghiện công trường 06 tại các huyện thuận lợi cho người nghiện ma túy đi cai, góp phần đảm bảo cuộc sống bình ổn cho xã hội và gia đình có người nghiện.

19. Khoản 3 Điều 32 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định: "Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, học viên vi phạm quy chế, nội quy của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau: Phê bình; Cảnh cáo; Giáo dục tại phòng kỷ luật". Qua công tác quản lý học viên tại Trung tâm thấy quy định trên gây khó khăn trong quá trình rắn đe, giáo dục người nghiện thực tế một số đối tượng vi phạm quy chế trốn khỏi Trung tâm nhiều lần nên hình thức xử lý cao nhất chỉ là giáo dục tại phòng kỷ luật. Nhiều học viên vi phạm được "kê hồ" này nên thường xuyên vi phạm qui chế của Trung tâm trốn về quê hoặc trốn ra ngoài tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy... Nên cần phải có chế tài cao hơn (có thể là kéo dài thời gian cai nghiện bắt buộc) để xử lý người trốn trường học học viên có tư tưởng chống đối, thường xuyên vi phạm nội qui, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

20. Quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống ma túy còn tồn tại một số vấn đề khó khăn, bất cập như: Còn có một số mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác phòng, chống ma túy nhưng chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và những điểm bất cập, chồng chéo của các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống ma túy.

21. Nghị định 56/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định "người không có nơi cư trú ổn định là người không có nơi ở cố định mà thường xuyên đi lang thang thực tế không xác định được thể nào là thường xuyên đi lang thang dẫn đến vận dụng khác nhau giữa các địa phương. Pháp luật quy định "hành vi vi phạm không thuộc xã, phường mà người vi phạm cư trú, cơ quan lập hồ sơ trong 15 ngày phải xác định nơi cư trú", tuy nhiên, trong thời gian xác định nơi cư trú không có chế tài quản lý người vi phạm gây khó khăn cho cơ quan lập hồ sơ.

22. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp cho phép giám định viên pháp y thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện giám định pháp y tử thi và pháp y thương tích trước khi có Luật giám định, giám định viên pháp y Công an tỉnh thực hiện theo Pháp lệnh Giám định, được phép tiến hành giám định pháp y tử thi và pháp y thương tích. Thực tế, lực lượng này đã được đầu tư rất tốt về con người, trình độ và trang bị phương tiện kỹ thuật, đáp ứng tốt yêu cầu công tác đấu tranh phòng

chống tội phạm. Khi thực hiện Luật giám định tư pháp, lực lượng này chỉ thực hiện giám định pháp y tử thi mà không được thực hiện giám định pháp y thương tích đã xảy ra tình trạng: lãng phí nguồn nhân lực, phương tiện đã được đầu tư ban đầu. Trong khi đó, Trung tâm pháp y tỉnh lại mới được thành lập, lực lượng còn thiếu và yếu, chưa có kinh nghiệm, không được đào tạo cơ bản về dấu vết hình sự, pháp luật; phương tiện kỹ thuật được trang bị còn thiếu...nên phần nào cùng ảnh hưởng đến công tác giám định pháp y thương tích.

23. Xem xét củng cố mô hình cai nghiện công trường 06 tại các huyện để thuận lợi cho người nghiện ma túy đi cai, góp phần đảm bảo cuộc sống bình yên cho xã hội và gia đình có người nghiện.

24. Khoản 4 Điều 123 quy định: "Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của bộ luật này". Trong thực tế nhiều trường hợp phải gia hạn thời hạn điều tra vụ án. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự lại không có quy định việc gia hạn thời hạn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vậy, khi gặp trường hợp như nêu trên thì sẽ giải quyết như thế nào?

25. Điều 171 quy định ủy thác điều tra, tuy nhiên không có quy định về trình tự thủ tục tiến hành.

Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Tuyên Quang đã nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trả lời 25/37 kiến nghị của cử tri Công an tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chuyển văn bản trả lời của các cơ quan trên đến Công An tỉnh, để thông báo cho cử tri biết theo quy định.

(Có sao lục các Văn bản: Số 120/BCA-VO1 ngày 15/01/2019; số 154/BCA-VO1 ngày 17/01/2019; số 163/BCA-VO1 ngày 17/01/2019; số 164/BCA-VO1 ngày 17/10/2019; số 203/BCA-VO1 ngày 22/01/2019; số 207/BCA-VO1 ngày 22/01/2019; số 267/BCA-VO1 ngày 28/01/2019; số 244/BCA-VO1 ngày 28/01/2019; số 253/BCA-V01 ngày 28/01/2019; số 265/BCA-VO1 ngày 28/01/2019; số 263/BCA-VO1 ngày 28/01/2019; số 220/LĐTBOXH-PCTNXH ngày 11/01/2019; số 216/LĐTBOXH-PCTNXH ngày 11/01/2019; số 217/LĐTBOXH-PCTNXH ngày 11/01/2019; số 221/LĐTBOXH-PCTNXH ngày 11/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; số 182/BTP-VP ngày 14/01/2019 của Bộ Tư pháp; số 94/VKSTC-V14 ngày 08/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi kèm)./. *Phước*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *120* /BCA-V01

Hà Nội, ngày *15* tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Xem xét trang bị máy tính và máy in để đảm bảo công tác trong lực lượng công an. Cử tri phản ánh, lực lượng điều tra hiện nay làm việc với khối lượng công việc nhiều, nhưng trang bị phương tiện như máy tính, máy in... là rất hạn chế. Cần quy định 03 cán bộ phải được trang bị 01 bộ máy vi tính, máy in” (câu số 41).

Bộ Công an trả lời như sau:

Thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Bộ Công an đã chú trọng đầu tư phương tiện, trang thiết bị cho lực lượng Công an từ Bộ đến cơ sở, song với kinh phí hàng năm còn hạn chế nên Bộ Công an mới chỉ tập trung ưu tiên đầu tư những trang bị thiết yếu cho một số lực lượng trực tiếp chiến đấu, chưa trang bị đủ nhu cầu cho tất cả các lực lượng Công an nhân dân. Trong hoàn cảnh khó khăn chung, Công an các đơn vị, địa phương cần chia sẻ với Nhà nước và với Bộ, tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền địa phương và sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác.

Trên đây là trả lời của Bộ Công an, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- Đ/c Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang (để thực hiện);
- Lưu: VT, V01(P3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**
Số: 01/SY-ĐDBQH

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị cử tri
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang, QH khoá XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN, ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Vận dụng chính sách đối với cán bộ làm công tác hậu cần, kỹ thuật có điểm chưa phù hợp, hợp lý nên chưa thu hút được cán bộ có trình độ: Cán bộ làm công tác quản lý vũ khí chuyên trách ở địa phương không được hưởng phụ cấp đặc thù, bồi dưỡng độc hại. Đề nghị nghiên cứu có chính sách đặc biệt thu hút đối tượng này”. (Câu 40)

Bộ Công an trả lời, như sau:

Việc đề nghị bổ sung đối tượng là cán bộ làm công tác quản lý vũ khí chuyên trách ở địa phương được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù, bồi dưỡng độc hại, Bộ Công an xin ghi nhận để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền.

Trên đây là trả lời của Bộ Công an, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lê Quý Vương

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 03/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 163 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị cử tri

sau Kỳ họp thứ 6, QH khoá XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN, ngày 15/11/2018, nội dung các kiến nghị như sau:

1. "Khoản 1 Điều 148 BLTTHS quy định: "Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộ luật này cơ quan có thẩm quyền giải quyết tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đã trưng cầu giám định... nhưng chưa có kết quả; b) Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu... nhưng chưa có kết quả". Trong thực tế đã xuất hiện nhiều tình huống ngoài quy định tại điểm a và b nêu trên như: Khi hết thời hạn quy định tại Điều 147 nhưng không biết người bị tố giác, kiến nghị khởi tố đang ở đâu hoặc khi hết thời hạn quy định tại Điều 147 nhưng chưa rõ đối tượng gây án là ai? Gặp những tình huống này Cơ quan điều tra khó giải quyết vì không có căn cứ để ra các Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định không khởi tố vụ án hoặc Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc nêu trên đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện thống nhất quy định tại Khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng hình sự". (Câu 67)

2. "Khoản 4 Điều 123 BLTTHS quy định: "Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của bộ luật này". Trong thực tế nhiều trường hợp phải gia hạn thời hạn điều tra vụ án. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự lại không có quy định việc gia hạn thời hạn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vậy, khi gặp trường hợp như nêu trên thì sẽ giải quyết như thế nào? Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm có văn bản hướng dẫn để thống nhất thực hiện". (Câu 68)

3. "Cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại Điều 123; Tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 124 là 2 biện pháp ngăn chặn có cùng mục đích là đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử. Nội dung của Điều 123 đã thể hiện rõ người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thì không thể đi xuất cảnh được. Do vậy, không cần thiết phải có một điều luật quy định về tạm hoãn xuất cảnh vì quy định như vậy dẫn đến chồng chéo". (Câu 69)

4. "Điều 170 BLTTHS quy định việc nhập hoặc tách vụ án hình sự để tiến hành điều tra, tuy nhiên, lại không có quy định rõ trường hợp bị can phạm tội nhiều lần ở nhiều địa phương khác nhau thì có được nhập vụ án không? Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm có văn bản hướng dẫn để thực hiện thống nhất.

Điều 171 BLTTHS quy định ủy thác điều tra, tuy nhiên không có quy định về trình tự thủ tục tiến hành. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền có văn bản hướng dẫn cụ thể: Khi Cơ quan điều tra nhận được Quyết định ủy thác điều tra thì có phải ra Quyết định phân công Phó Thủ trưởng và phân công điều tra viên, cán bộ điều tra để thực hiện hay không?”. (Câu 70)

5. “Trình tự, thủ tục trong việc quản lý, bảo quản, xử lý vật chứng trong giai đoạn xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố”. (Câu 71)

Bộ Công an trả lời, như sau:

1. Kiến nghị số 67:

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong thời gian tới, Bộ Công an sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng đề xuất xây dựng văn bản hướng dẫn khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết các trường hợp vướng mắc trong thực tiễn mà cử tri nêu.

2. Kiến nghị số 68:

Hiện nay, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Khi gặp phải trường hợp nêu trên thì áp dụng quy định tại khoản 2, Điều 23 của Thông tư 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP, cụ thể: “Nếu thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, bảo lãnh đặt tiền của Cơ quan điều tra vẫn còn nhưng không đủ thời hạn để hoàn thành việc truy tố, mà xét thấy cần tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn đó, thì chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn được ghi trong lệnh, quyết định, Viện kiểm sát phải ra lệnh, quyết định mới”.

3. Kiến nghị số 69:

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123) và biện pháp tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124). Hai biện pháp ngăn chặn này độc lập, khác nhau về cả đối tượng áp dụng và mục đích ngăn chặn; không có giá trị thay thế nhau. Do đó, có thể áp dụng đồng thời hai biện pháp này và quy định như Bộ luật tố tụng hình sự là phù hợp, không chồng chéo, trùng lặp.

4. Kiến nghị số 70:

- Về nội dung hướng dẫn việc nhập hoặc tách vụ án hình sự liên quan đến bị can phạm tội nhiều lần ở nhiều địa phương:

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong thời gian tới, Bộ Công an sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề xuất xây dựng văn bản để hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều

170 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định việc nhập hoặc tách vụ án hình sự để Công an các đơn vị, địa phương thống nhất thực hiện.

- Về nội dung hướng dẫn việc ủy thác điều tra:

Việc ủy thác điều tra đã được quy định tại Điều 30, Thông tư số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cụ thể như sau: *"Khi nhận được ủy thác điều tra mà xét thấy hoạt động điều tra được ủy thác phức tạp, kéo dài thì Cơ quan điều tra được ủy thác phải phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên tiến hành điều tra những việc được ủy thác; Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra được ủy thác phải phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiến hành hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra được ủy thác"*.

5. Kiến nghị số 71:

Công tác quản lý, giao, nhận, lưu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng được quy định tại Quy chế quản lý kho vật chứng được ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18/2/2002 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ). Tuy nhiên, trong Quy chế chưa quy định về trình tự, thủ tục trong việc quản lý, bảo quản, xử lý vật chứng trong giai đoạn xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, thời gian tới, Bộ Công an sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành tổng kết việc thực hiện Quy chế quản lý kho vật chứng để báo cáo cấp có thẩm quyền xây dựng văn bản thay thế. Trong đó, sẽ bổ sung về quy định trình tự, thủ tục quản lý, bảo quản, xử lý tài liệu, đồ vật trong giai đoạn xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trên đây là trả lời của Bộ Công an, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- V03; A08; C01, Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CA Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**
Số: 04/SY-ĐDBQH

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 164/BCA-V01

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Luật phòng, chống ma túy và Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định người nghiện ma túy phải tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của bản thân và đăng ký hình thức cai nghiện với chính quyền cơ sở; gia đình người cai nghiện ma túy có trách nhiệm khai báo với UBND cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó. Tuy nhiên, qua 17 năm thực hiện Luật phòng, chống ma túy hầu như không có trường hợp người nghiện ma túy nào thực hiện trách nhiệm này; tỉ lệ các gia đình khai báo với chính quyền về người nghiện ma túy trong gia đình mình cũng không nhiều, nguyên nhân là do sợ mất uy tín đối với cơ quan, mất thể diện với bạn bè, hàng xóm... Những hành vi này của cá nhân và gia đình là vi phạm pháp luật, cần có chế tài đủ mạnh để xử lý, răn đe.” (Kiến nghị số 38)

Bộ Công an xin trả lời như sau:

Sau hơn 17 năm thi hành Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) đã bộc lộ nhiều bất cập, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công tác phòng, chống ma túy. Hiện nay, Bộ Công an được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng tiến hành tổng kết việc thi hành Luật phòng, chống ma túy và nghiên cứu đề xuất Quốc hội sửa đổi Luật này. Đối với việc khai báo tình trạng nghiện của bản thân hoặc của người thân trong gia đình là trách nhiệm của mỗi cá nhân đã được quy định cụ thể trong Luật phòng, chống ma túy. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là việc xã hội còn tư tưởng kỳ thị với người nghiện ma túy... nên người nghiện và gia đình người nghiện không muốn khai báo tình trạng nghiện. Tuy nhiên, hiện nay chưa có chế tài xử lý cụ thể đối với các trường hợp không tự nguyện khai báo. Đối với trường hợp không tự nguyện khai báo và không tự nguyện đăng ký cai nghiện ma túy tại gia đình hoặc cộng đồng thì cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bắt buộc cai nghiện tại cộng đồng theo Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện

ma túy tại gia đình, cộng đồng. Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Công an sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, góp phần tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho công tác phòng, chống ma túy giai đoạn hiện nay.

Trên đây là trả lời của Bộ Công an, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./. *TLQ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTWQH;
- V03, C04, Giám đốc CA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 02/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 201

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 203 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
~~Kỳ họp thứ 5~~, Quốc hội khoá XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“1. Đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 132 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định: "Văn bản tố tụng gồm lệnh, quyết định, yêu cầu, kết luận điều tra, bản cáo trạng, bản án và các văn bản tố tụng khác trong hoạt động tố tụng được lập theo mẫu thống nhất"; Khoản 1 Điều 133 quy định: "Khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản theo mẫu thống nhất". Tuy nhiên, bộ biểu mẫu tố tụng ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ Công an còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu như: Bản kết luận điều tra bổ sung; Bản kết thúc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Đề nghị gia hạn thời hạn điều tra vụ án; Thông báo việc đình chỉ điều tra vụ án; Khám xét phải có sự tham gia của Kiểm sát viên nhưng mẫu biên bản khám xét lại không có thành phần Kiểm sát viên... Vấn đề nữa là Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung bị can phải viết tay hay đánh máy. Tuy nhiên, Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ Công an lại quy định: "Không được đánh máy biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can". Quy định này đã gây nhiều khó khăn cho Điều tra viên, cán bộ điều tra, làm giảm năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác. Nhất là trong tình hình hiện nay đội ngũ Điều tra viên, cán bộ điều tra của chúng ta còn nhiều đồng chí viết chữ khó đọc, tẩy xóa, sửa chữa trong biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung. Để khắc phục tình trạng này đề nghị Bộ Công an sớm sửa đổi, bãi bỏ quy định nêu trên nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu và nâng cao hiệu quả công tác.” (Câu số 36)

2. Kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực chất là hoạt động tố tụng nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ để quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC lại không quy định khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì cơ quan và người có thẩm quyền được tiến hành các biện pháp điều tra như: Đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra. Do đó, trong thực tế đã dẫn đến nhận thức và áp dụng thiếu thống nhất, kém hiệu quả. Để chấm dứt tình

trạng nêu trên đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện thống nhất vấn đề này. (Câu số 37)

Bộ Công an trả lời như sau:

1. Bộ Công an ghi nhận các ý kiến của cử tri tỉnh Tuyên Quang và sẽ giao đơn vị chức năng nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự trong thời gian tới.

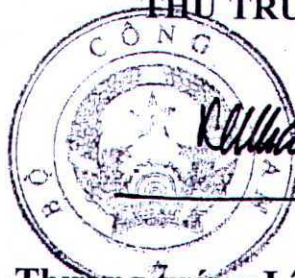
2. Đối với việc áp dụng các biện pháp điều tra trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã giao Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an xây dựng Thông tư quy định về quy trình tiếp nhận, phân loại, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trong dự thảo Thông tư đã mở rộng các biện pháp được áp dụng trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (Điều 15). Hiện tại, Thông tư đang được gửi lấy ý kiến Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan chức năng liên quan và hoàn thiện để Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- V03; C01; Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01 (P3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 05/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 207/BCA-V01

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau: “Cần nghiên cứu, bổ sung việc công nhận chức danh nghiệp vụ Kỹ thuật viên nghiệp vụ cho lực lượng giám định viên tư pháp Phòng Kỹ thuật hình sự. Bởi vì, chức danh Giám định viên tư pháp là chức danh được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, để cho giám định viên có tư cách pháp lý thực hiện các hoạt động tố tụng (thực hiện hoạt động giám định tố tụng hình sự và dân sự). Còn chức danh Kỹ thuật viên nghiệp vụ là do ngành Công an quyết định, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và các chế độ cho cán bộ làm công tác Kỹ thuật hình sự. Nếu không bổ nhiệm chức danh Kỹ thuật viên cho giám định viên tư pháp phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh là một thiệt thòi cho lực lượng này”. (Câu số 64)

Bộ Công an trả lời như sau:

Việc bổ nhiệm các chức danh tư pháp trong Công an nhân dân được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Giám định tư pháp...) và các quy định của Bộ Công an, theo đó, không có lĩnh vực công tác nào thuộc diện áp dụng bổ nhiệm 02 chức danh. Do vậy, khi xét đề nghị bổ nhiệm chức danh Giám định viên, Kỹ thuật viên... Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương cần xác định đúng diện đối tượng áp dụng (nếu thuộc diện áp dụng bổ nhiệm chức danh này thì đương nhiên không thuộc diện bổ nhiệm chức danh khác) và căn cứ tiêu chuẩn của bậc chức danh để thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định, không vì chính sách cán bộ mà thực hiện bổ nhiệm chức danh không đúng với lĩnh vực công tác của cán bộ.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- X01, C09; Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01 (P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG




Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 06/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 267 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị cử tri sau
Kỳ họp thứ 6, QH khoá XIV

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội
và tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri thành phố Hà Nội và tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau: *"Cử tri đề nghị xem xét, chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành các quy định, hướng dẫn thi hành Luật an ninh mạng, nhất là các chế tài xử lý nhằm ngăn chặn các thông tin xấu trên các trang mạng xã hội"* (Câu số 78).

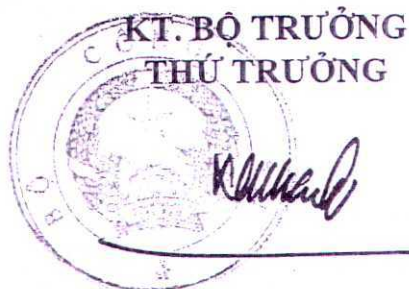
Bộ Công an trả lời như sau:

Ngay sau khi Luật an ninh mạng được thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Bộ Công an đã chỉ đạo các đơn vị chức năng tham mưu xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật an ninh mạng theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và bảo đảm chất lượng, tiến độ. Các văn bản quy định chi tiết Luật an ninh mạng có nội dung phức tạp, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của cơ quan, tổ chức, quyền và nghĩa vụ của công dân cũng như liên quan tới các doanh nghiệp trong và ngoài nước nên cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng, khách quan; do đó, để đảm bảo chất lượng, Bộ Công an cần có thời gian để lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, ý kiến chuyên gia và Nhân dân nghiên cứu, tiếp thu hoàn thiện văn bản, đủ điều kiện để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Hiện nay, các dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật an ninh mạng đang được hoàn thiện để khẩn trương gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian ngắn nhất. Đồng thời, Bộ Công an đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị ban hành quy định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội và tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri. Tr

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- V03, A05, CA TP. Hà Nội, Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**
Số: 07/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 244 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri sau
Kỳ họp thứ 6, QH khoá XIV

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau: "*Xem xét đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho lực lượng Công an khi triển khai lực lượng Công an chính quy về địa phương làm Trưởng Công an xã*". (Câu số 42)

Bộ Công an trả lời như sau:

Luật Công an nhân dân năm 2018 được thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóá XIV, trong đó có quy định về việc bố trí Công an chính quy ở địa bàn cấp xã. Trước khi có hướng dẫn cụ thể triển khai Luật Công an nhân dân năm 2018, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục thực hiện theo Pháp lệnh Công an xã và Thông tư số 15/2010/TT-BCA ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc điều động sỹ quan, hạ sỹ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã ở các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, trong đó, có quy định về nguyên tắc, nguồn cán bộ, tiêu chuẩn cán bộ, mối quan hệ công tác, chế độ quản lý, sinh hoạt của cán bộ Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

Thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Bộ Công an đã chú trọng đầu tư phương tiện, trang thiết bị cho lực lượng Công an từ Bộ đến cơ sở. Tuy nhiên, trong điều kiện ngân sách Nhà nước còn khó khăn, Bộ Công an mới chỉ tập trung ưu tiên đầu tư những trang bị thiết yếu cho một số lực lượng trực tiếp chiến đấu. Bộ Công an xin ghi nhận ý kiến của cử tri, sẽ nghiên cứu, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung kinh phí hằng năm cho Công an các địa phương nhằm từng bước bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ yêu cầu công tác của Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu xây dựng quy định về Công an xã chính quy và chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã hiện nay đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và việc đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang đề trả lời cử tri./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- H03, H07, CA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Quý Vương

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**
Số: 08/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 253 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị cử tri
sau Kỳ họp thứ 6, QH khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau: "*Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân ban hành theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41 ngày 20/3/2015 của Bộ Công an đã hết hiệu lực thi hành vì những văn bản quy phạm pháp luật dùng làm căn cứ để ban hành quy trình như: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra năm 2004, Nghị định số 106/2014/NĐ-CP, ngày 17/11/2014 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công an, Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT - Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đều đã hết hiệu lực thi hành. Trong hơn 8 tháng qua một số đơn vị, địa phương vẫn vận dụng thực hiện theo quy trình này, một số đơn vị khác lại cho rằng quy trình đã hết hiệu lực nên không áp dụng nữa, dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật thiếu thống nhất. Để khắc phục tình trạng trên, đề nghị cơ quan chuyên môn sớm ban hành quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mới thay thế quy trình 1319 nêu trên*". (Kiến nghị số 75)

Bộ Công an trả lời như sau:

Bộ Công an và Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan đến công tác điều tra, xử lý tội phạm, trong đó có văn bản như cử tri kiến nghị. Hiện nay, lãnh đạo Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã chỉ đạo Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an khẩn trương xây dựng Thông tư thay thế Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41 ngày 20/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- V03, C01, CA Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01 (P3).



Thượng tướng Lê Quý Vương

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 09/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Quang Thắng

Số: 265 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
trước Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Công văn số 12181/VPCP-QHĐP ngày 14/12/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Căn cứ Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ đang phục vụ trong Công an nhân dân. Có những tiêu chuẩn, định mức đã được quy định nhưng chưa có kinh phí để thực hiện đảm bảo (tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà ở tập thể; định mức đảm bảo nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ;...). Vì vậy, đề nghị Bộ Công an báo cáo trình cấp có thẩm quyền có kế hoạch bổ sung kinh phí hàng năm cho các đơn vị địa phương, đủ để đảm bảo các tiêu chuẩn, định mức theo Nghị định số 18/2013/NĐ-CP của Chính phủ” (Câu số 9).

Bộ Công an trả lời như sau:

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Bộ Công an đã đầu tư trang bị cơ sở vật chất hậu cần, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác cho lực lượng Công an từ Bộ đến cơ sở. Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách Nhà nước còn khó khăn nên một số nội dung về tiêu chuẩn vật chất hậu cần cho cán bộ, chiến sỹ như tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà ở tập thể; định mức đảm bảo nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần;... vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ. Bộ Công an xin ghi nhận ý kiến của cử tri để nghiên cứu, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung kinh phí hàng năm cho các đơn vị, địa phương, đủ để đảm bảo các tiêu chuẩn, định mức theo Nghị định số 18/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là trả lời của Bộ Công an, xin gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTWQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- Đ/c Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01(P3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quý Vương

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 10/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Quang Thắng

Số: 263 /BCA-V01

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị cử tri
sau Kỳ họp thứ 6, QH khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau: *"Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã có một số trường hợp sau cai nghiện ma túy trở về từ các cơ sở cai nghiện bắt buộc bị phát hiện tái nghiện. Tuy nhiên, các địa phương đều lúng túng, chưa rõ có đủ điều kiện để lập hồ sơ để đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không hay lại phải áp dụng lại biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Hiện nay, các Bộ, ngành liên quan chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp này". (Câu hỏi số 39).*

Bộ Công an trả lời như sau:

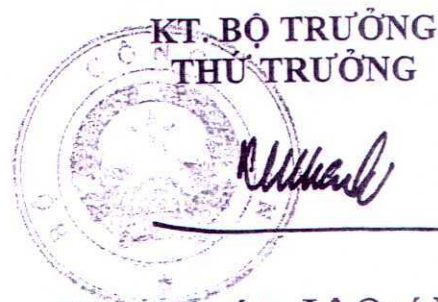
Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì sau khi người chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc được trả về địa phương nơi cư trú nếu tái nghiện thì cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn lại như ban đầu. Nếu trong thời gian áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vẫn tiếp tục nghiện thì áp dụng quy định tại Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ quy định các trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bộ Công an trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- C04, BCA ;
- CA Tuyên Quang;
- Lưu: VT, V01 (P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Quý Vương

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 11/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Quang Thắng

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 220 /LĐTBXH-PCTNXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Khoản 2 Điều 32 Luật phòng, chống ma túy quy định: “Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thực hiện đúng các phương pháp cai nghiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”. Thực tế công tác cai nghiện đối với các học viên tại Trung tâm chỉ thực hiện theo nội dung quản lý học viên do Giám đốc Trung tâm ban hành, chứ chưa có phương pháp hay phác đồ điều trị cai nghiện do cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn thực hiện. Trong khi chức năng “chữa bệnh” là một trong những nhiệm vụ được Trung tâm đặt lên đầu tiên trong công tác quản lý cai nghiện ma túy. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể” (Kiến nghị số 112).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Ngày 30/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong đó Bộ Y tế có trách nhiệm nghiên cứu các bài thuốc và phương pháp cai nghiện cho người nghiện ma túy. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Y tế đã ban hành các văn bản:

- Công văn số 4358/ĐTr ngày 23/6/1995 về hướng dẫn điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc hướng thần;
- Quyết định số 5467/2003/QĐ-BYT ngày 21/10/2003 về ban hành Hướng dẫn áp dụng phương pháp điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy;
- Quyết định số 3556/QĐ-BYT ngày 10/9/2014 ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp dạng AMPHETAMINE”;
- Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm OPIATS” và các Hướng dẫn điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện các chất dạng thuốc phiện.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì và phối hợp Bộ Y tế ban hành Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010

hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm xây dựng các quy chế hoạt động căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của cơ quan thẩm quyền.

Trên đây là trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTTMTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Thanh tra Bộ, VP Bộ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở LĐTBXH Tuyên Quang;
- Lưu: VT, PCTNXH.



BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 13/SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHánh VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 216 /LĐTBXH-PCTNXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang thứ 6 Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Xem xét củng cố mô hình cai nghiện tại công trường 06 tại các huyện để thuận lợi cho người nghiện ma túy đi cai, góp phần đảm bảo cuộc sống bình yên cho xã hội và gia đình có người nghiện” (Kiến nghị số 80).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Y tế đánh giá tình hình thực hiện công tác cai nghiện tại các công trường 06, trong đó ghi nhận những đóng góp nhất định cho công tác cai nghiện của mô hình này. Tuy nhiên, hiện nay, mô hình cai nghiện tại công trường 06 không còn phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiện ma túy tiếp cận và sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 phê duyệt Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 18/8/2016 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, trong đó có nhiệm vụ phát triển các điểm vệ tinh, điểm tư vấn tại cộng đồng và cơ sở điều trị nghiện tự nguyện để hình thành mạng lưới các điểm và cơ sở điều trị nghiện có đủ năng lực, đáp ứng nhu cầu về dịch vụ điều trị nghiện.

Trên đây là trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTTMTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Thanh tra Bộ, VP Bộ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở LĐTBXH tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, PCTNXH.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 14/SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Quang Thắng

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 217/LĐTBXH-PCTNXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
trước kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Khoản 3 Điều 32 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định: “Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau: Phê bình; Cảnh cáo; Giáo dục tại phòng kỷ luật”. Qua công tác quản lý học viên tại Trung tâm nhận thấy quy định trên gây khó khăn trong quá trình răn đe, giáo dục người nghiện, thực tế một số đối tượng vi phạm quy chế trốn khỏi Trung tâm nhiều lần nhưng hình thức xử lý cao nhất chỉ là giáo dục tại phòng kỷ luật. Nhiều học viên nắm được “kẽ hở” này nên thường xuyên vi phạm quy chế của Trung tâm trốn về nhà hoặc trốn ra ngoài tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Nên cần phải có một chế tài cao hơn (có thể là kéo dài thời gian cai nghiện bắt buộc) để xử lý trong trường hợp học viên có tư tưởng chống đối, thường xuyên vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc” (Kiến nghị số 79).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Các biện pháp xử lý người nghiện ma túy vi phạm kỷ luật hiện nay chưa đủ sức răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, thời gian áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng đã được quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính. Để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2017 về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống ma túy. Do đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ghi nhận ý kiến của cử tri, đề nghị nghiên cứu khi xây dựng hồ sơ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống ma túy và các luật có liên quan.

Trên đây là trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Thanh tra Bộ, VP Bộ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở LĐTBXH tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, PCTNXH.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 15/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

Số: 221/LĐTBXH-PCTNXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

trước kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 470/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

✓“Quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống ma túy còn tồn tại một số vấn đề khó khăn, bất cập như: Còn có một số mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác phòng, chống ma túy nhưng chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và những điểm bất cập, chồng chéo của các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống ma túy:

- Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy năm 2008 đã bổ sung Điều 32a quy định “Người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện mà phạm tội, nếu thời gian bị phạt tù ít hơn thời gian cai nghiện ma túy thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù phải tiếp tục cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc” mâu thuẫn với Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính “Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian cấp hành quyết định thì theo yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn,.... Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính”.

- Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy quy định “Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm” mâu thuẫn với Luật xử lý vi phạm hành chính quy định người chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc được trả về địa phương nơi cư trú.

- Khoản 2 Điều 28 Luật phòng, chống ma túy quy định về thẩm quyền ra quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; mâu thuẫn

với Khoản 2 Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân cấp huyện.

- Khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định: “Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định phải được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Theo đó, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện sẽ thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở của nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định”. Theo đó, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP cũng chỉ đề cập đến đối tượng người nghiện ma túy đang tham gia các chương trình cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, không đề cập đến việc xử lý đối với người nghiện đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện.

- Khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính chỉ quy định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có quy định về việc áp dụng biện pháp này đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong khi Khoản 1 Điều 29 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 lại quy định: “Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú ổn định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ” (Kiến nghị số 114).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ghi nhận ý kiến của cử tri, trong quá trình triển khai thực hiện, một số quy định của Luật phòng, chống ma túy không còn phù hợp trên thực tế, mâu thuẫn với Luật xử lý vi phạm hành chính. Để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2017 về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống ma túy,

Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin tiếp thu ý kiến của cử tri, đề nghị cứ khi xây dựng hồ sơ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống ma túy và các luật có liên quan.

Trên đây là trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Thanh tra Bộ, VP Bộ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở LĐTBXH tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, PCTNXH.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 16/SY-ĐĐBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 182 /BTP-VP

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới Kỳ họp thứ 6, Quốc hội
tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang

Bộ Tư pháp nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 471/BDN ngày 15/11/2018, nội dung kiến nghị như sau:

✓ **Câu số 1¹:** Quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống ma túy còn tồn tại một số vấn đề khó khăn, bất cập như: Còn có một số mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác phòng, chống ma túy nhưng chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và những điểm bất cập, chồng chéo của các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống ma túy:

- Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008 đã bổ sung Điều 32a quy định “Người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện mà phạm tội, nếu thời gian bị phạt tù ít hơn thời gian cai nghiện ma túy thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù phải tiếp tục cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc” mâu thuẫn với Điều 117 Luật Xử lý vi phạm hành chính (VPHC) “Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định thì theo yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch UBND cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn..., Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính”.

- Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy quy định “Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm” mâu thuẫn với Luật Xử lý VPHC quy định người chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc được trả về địa phương nơi cư trú.

- Khoản 2 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy quy định về thẩm quyền ra quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; mâu thuẫn với khoản 2 Điều 105 Luật Xử lý VPHC quy định thẩm quyền này thuộc về Tòa án nhân dân cấp huyện.

¹ Câu số 11, Công văn số 471/BDN.

- Khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định: “Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện không có nơi cư trú nhất định phải được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Theo đó, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện sẽ thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý VPHC quy định: “Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định”. Theo đó, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP cũng đề cập đến đối tượng người nghiện ma túy đang tham gia các chương trình cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, không đề cập đến việc xử lý đối với người nghiện ma túy đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện.

- Khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý VPHC chỉ quy định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có quy định về việc áp dụng biện pháp này đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong khi Khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 lại quy định: “Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ”.

✓ **Câu số 2²:** Nghị định số 56/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định “người không có nơi cư trú ổn định là người không có nơi ở cố định mà thường xuyên đi lang thang”, thực tế không xác định được thế nào là thường xuyên đi lang thang dẫn đến việc vận dụng khác nhau giữa các địa phương. Pháp luật quy định “hành vi vi phạm không thuộc xã, phường mà người vi phạm cư trú, cơ quan quản lý hồ sơ trong 15 ngày phải xác định nơi cư trú”, tuy nhiên, trong thời gian xác định nơi cư trú không có chế tài quản lý người vi phạm gây khó khăn cho quản lý hồ sơ.

✓ **Câu số 3³:** Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp cho phép giám định viên pháp y thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện giám định pháp y tử thi và pháp y thương tích. Vì, trước khi có Luật Giám định, giám định viên pháp y Công an tỉnh thực hiện theo Pháp lệnh Giám định, được phép tiến hành giám định pháp y tử thi và pháp y thương tích. Thực tế, lực lượng này đã được đầu tư rất tốt về con người, trình độ và trang bị phương tiện kỹ thuật, đáp ứng tốt yêu cầu công tác đấu tranh phòng

² Câu số 27, Công văn số 471/BDN.

³ Câu số 28, Công văn số 471/BDN.

chống tội phạm. Khi thực hiện Luật Giám định tư pháp, lực lượng này chỉ thực hiện giám định pháp y tử thi mà không được thực hiện giám định pháp y thương tích đã xảy ra tình trạng: lãng phí nguồn nhân lực, phương tiện đã được đầu tư ban đầu. Trong khi đó, Trung tâm pháp y tỉnh lại mới được thành lập, lực lượng còn thiếu và yếu, chưa có kinh nghiệm, không được đào tạo cơ bản về dấu vết hình sự, pháp luật; phương tiện kỹ thuật được trang bị còn thiếu...nên phần nào cùng ảnh hưởng đến công tác giám định pháp y thương tích.

Bộ Tư pháp xin trả lời như sau:

Câu số 1:

- Về một số nội dung chưa thống nhất giữa Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật Phòng chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), cụ thể: Khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008 với Điều 117 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và quy định người chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc được trả về địa phương nơi cư trú của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy với khoản 2 Điều 105 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 với Khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính....:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. Như vậy, trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Phòng, chống ma túy thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, vì đây là văn bản được ban hành sau Luật phòng, chống ma túy.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, kịp thời tổng hợp để báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật nói chung.

- Về quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 29 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000:

Luật Xử lý vi phạm hành chính không có quy định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy chưa đủ 18 tuổi. Do vậy, việc xử lý đối tượng này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, cụ thể: Khoản 1 Điều 29 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định, “người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ”. Tuy nhiên, cần lưu ý, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy, thì việc cai nghiện ma túy cho người chưa thành niên trong trường hợp này không bị coi là áp dụng chế tài hành chính (biện pháp xử lý hành chính).

Câu số 2:

- Về cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các địa phương đối với quy định “*thường xuyên đi lang thang*”: Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của cử tri. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016) để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cùng với quá trình xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý VPHC trong thời gian tới.

- Về ý kiến cho rằng, “*Pháp luật quy định “hành vi vi phạm không thuộc xã, phường mà người vi phạm cư trú, cơ quan lập hồ sơ trong 15 ngày phải xác định nơi cư trú”, tuy nhiên, trong thời gian xác định nơi cư trú không có chế tài quản lý người vi phạm gây khó khăn cho cơ quan lập hồ sơ*”: Qua rà soát Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 56/2016/NĐ-CP), Bộ Tư pháp nhận thấy các văn bản trên không có nội dung quy định như ý kiến của cử tri phản ánh. Thay vào đó là quy định về thời hạn tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 56/2016/NĐ-CP): “*Trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này có trách nhiệm xác minh nơi cư trú ổn định của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ*”.

Câu số 3:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành Luật Giám định tư pháp để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là trả lời của Bộ Tư pháp đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang để trả lời cử tri./. *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTg TTCP Trương Hòa Bình (để báo cáo);
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, VP(TH&KSTTHC).

BỘ TRƯỞNG



Tham Mu
Lê Thành Long

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 17/SY-ĐDBQH

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



[Handwritten signature]
Vũ Quang Thắng

Số: 94 /VKSTC-V14

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2019

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
trước Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã nhận được kiến nghị của cử tri các tỉnh Bến Tre, Tuyên Quang và Bắc Kạn do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 471/BDN ngày 15/11/2018. Viện kiểm sát nhân dân tối cao xin trả lời như sau:

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bến Tre:

- **Kiến nghị số 1:** Khoản 4, Điều 123, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử... Tuy nhiên, điều luật chưa quy định rõ trường hợp gia hạn điều tra, điều tra bổ sung hoặc điều tra lại thì thủ tục áp dụng biện pháp này như thế nào, cơ quan tiến hành tố tụng ra lệnh mới hay tiếp tục gia hạn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Trả lời:

Ngày 19/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 04/2018). Theo đó, tại Điều 23 đã quy định cụ thể việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và một số biện pháp ngăn chặn khác khi gia hạn thời hạn điều tra, gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố như sau:

“1. Khi gia hạn thời hạn điều tra, gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố mà thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm của bị can đã hết thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra lệnh, quyết định mới. Cơ quan điều tra đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn đối với quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh và quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm trước khi thi hành. Thời hạn áp dụng các lệnh, quyết định mới của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đối với các bị can không quá thời hạn gia hạn điều tra, gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố.

2. Nếu thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm của Cơ quan điều tra vẫn còn mà bằng hoặc dài hơn thời hạn quyết định việc truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 240 Bộ luật Tố tụng hình sự, mà xét thấy cần tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn đó, thì Viện kiểm sát tiếp tục sử dụng lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra.

Nếu thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm của Cơ quan điều tra vẫn còn nhưng không đủ thời hạn để hoàn thành việc truy tố, mà xét thấy cần tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn đó, thì chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn được ghi trong lệnh, quyết định, Viện kiểm sát ra lệnh, quyết định mới”.

- **Kiến nghị số 2:** Điều 114, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 12 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt”; Điểm c, Khoản 1, Điều 208, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thời hạn giám định “Không quá 09 ngày đối với trường hợp quy định tại các Khoản 2, 4 và 5 Điều 206 của Bộ luật này”, trong đó có giám định ma túy. Tuy nhiên, Thông tư số 46/2013/TT-BCA ngày 05/11/2013 của Bộ Công an quy định Quy trình giám định ma túy nhóm OPIAT trong mẫu bắt được quy định “Thời gian giám định một vụ từ 16 giờ đến 88 giờ (tương đương từ 02 đến 11 ngày) và thời gian cho các thủ tục hành chính 08 giờ (tương đương 01 ngày). Do đó, đối với các vụ việc về ma túy, Cơ quan điều tra sau khi bắt giữ đối tượng thì không có căn cứ để ra quyết định tạm giữ do phải chờ kết quả giám định; các trường hợp này phải trả tự do cho đối tượng, gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ việc, vụ án về sau. Đề nghị liên ngành Trung ương có hướng dẫn trong trường hợp này.

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 110 và Điều 114 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) năm 2015, sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 12 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt. Do đó, trường hợp không có căn cứ để ra quyết định tạm giữ thì phải trả tự do cho các đối tượng. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định nêu trên của BLTTHS.

Thời hạn giám định nêu trong Thông tư số 46/2013/TT-BCA là thời hạn tối đa, việc thực hiện giám định có thể được thực hiện sớm hơn. Trên thực tế, để bảo đảm nhanh chóng, kịp thời làm rõ các dấu hiệu để có căn cứ ra quyết định tạm giữ, nhất là trong các vụ việc cần phải thực hiện giám định về chất ma túy thì cơ quan tiến hành giám định đẩy nhanh tiến độ giám định, ra kết luận giám định trong thời hạn sớm hơn thời hạn tối đa nêu trên.

- **Kiến nghị số 3:** Khoản 6, Điều 127 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Không được bắt đầu việc áp giải, dẫn giải người vào ban đêm...” và “đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau” (Khoản 1, Điều 134). Tuy nhiên, đối với những trường hợp áp giải bị can đi giám định pháp y ở ngoài tỉnh hoặc áp giải bị cáo phục vụ xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, nếu thực hiện việc áp giải trước 6 giờ thì không đúng quy định, thực hiện

sau 6 giờ thì không đảm bảo thời gian quy định của cơ quan tiến hành tố tụng. Đề nghị quy định thêm “trường hợp cần thiết khác thì được áp giải vào ban đêm”.

Trả lời:

So với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung từ “bắt đầu” tại khoản 6 Điều 127 quy định về việc áp giải, theo đó “không được bắt đầu việc áp giải, dẫn giải người vào ban đêm...”. Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm để bảo đảm tính công khai, minh bạch và hiệu quả của hoạt động áp giải; đồng thời, để bảo đảm trật tự, tránh gây xáo trộn, ảnh hưởng đến đời sống của quần chúng nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của đối tượng bị áp giải. Hơn nữa, việc áp giải không yêu cầu tính cấp thiết nên không cần thiết phải bắt đầu vào ban đêm.

Trường hợp áp giải đi giám định pháp y ở ngoài tỉnh hoặc áp giải bị cáo phục vụ xét xử thì cơ quan tiến hành tố tụng phải chấp hành quy định này, đồng thời cần có sự phối hợp chặt chẽ, có sự tính toán kỹ lưỡng để bảo đảm thời gian tiến hành tố tụng.

- Kiến nghị số 4: *Tại Điều 152 Bộ luật Tố tụng hình sự hiện nay không quy định tư cách tham gia tố tụng của người bị nghi thực hiện tội phạm, người phạm tội ra tự thú, đầu thú nên khi Cơ quan điều tra triệu tập ghi lời khai của những người này không xác định được tư cách tham gia tố tụng, không giải thích quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định. Do đó, đề nghị liên ngành Trung ương kịp thời có hướng dẫn để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng này.*

Trả lời:

Để bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nguyên tắc suy đoán vô tội, BLTTHS năm 2015 không quy định người tham gia tố tụng bao gồm người bị nghi thực hiện tội phạm mà cụ thể hóa gồm người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội. Theo đó, khi tham gia tố tụng, những người này sẽ có những quyền, nghĩa vụ tương ứng quy định tại các điều từ Điều 57 đến Điều 61 BLTTHS năm 2015.

Mặc dù, BLTTHS năm 2015 không quy định diện người tham gia tố tụng bao gồm người phạm tội tự thú, đầu thú, tuy nhiên, Bộ luật đã quy định khá cụ thể trình tự, thủ tục tố tụng khi những người này đến tự thú, đầu thú. Theo đó, khi người phạm tội đến tự thú, đầu thú, cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở và lời khai của người tự thú, đầu thú. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú có trách nhiệm thông báo ngay cho Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát. Trên cơ sở lời khai của người phạm tội ra tự thú, đầu thú cũng như các tình tiết khác của vụ việc, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xác định được tư cách tham gia tố tụng của người đó và xác định được quyền, nghĩa vụ của những người này. Ví dụ: Bị can bỏ trốn đang bị truy nã, sau đó ra đầu thú thì trường hợp này, tư cách tham gia tố tụng của người phạm tội đầu thú là bị can.

- Kiến nghị số 5: *Tại Điều 479 Bộ luật Dân sự có quy định về họ, họ, hụi, biên, phường và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, hụi, biên, phường nhưng phần lớn các vụ án chủ hụi khởi kiện yêu cầu Tòa*

án giải quyết buộc hội viên trả nợ hội, Tòa án căn cứ vào tập quán chơi hội ở địa phương để giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật,

Nhiều trường hợp ban đầu là xuất phát từ việc chơi hội, nhưng sau nhiều lần hội viên vi phạm nghĩa vụ góp hội và người chủ hội buộc họ phải làm giấy vay, mượn nợ, dẫn đến nhiều quan hệ tranh chấp phức tạp, thậm chí nhiều vụ còn có dấu hiệu của tội phạm hình sự nhưng quá trình giải quyết và vận dụng pháp luật để giải quyết thì gặp rất nhiều khó khăn; phần lớn các vụ phát sinh tranh chấp đương sự không cung cấp được hồ sơ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình, vì thế rất khó vận dụng pháp luật để giải quyết.

Bên cạnh đó, một số vụ vỡ hội, chủ hội có hành vi ghi khống tên hội viên để hốt hội rồi mất khả năng thanh toán cho các hội viên khác nhưng chế tài hình sự chưa mạnh dạn áp dụng, các vụ đều được giải quyết bằng tranh chấp dân sự nên không đủ tính răn đe dẫn đến tình trạng này vẫn còn xảy ra tại địa phương.

Theo tinh thần của pháp luật hiện hành nghiêm cấm việc chơi hội dưới hình thức cho vay nặng lãi. Vì vậy, khi giải quyết các vụ tranh chấp hội, hội vỡ thì hội viên chỉ được lấy lại phần vốn đã đóng và được tính lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định nếu hội viên có yêu cầu. Điều này không tránh khỏi trường hợp chủ hội nảy sinh ý định gom vốn để đầu tư vào việc khác dưới hình thức làm chủ hội, hốt hội lấy tiền. Đến một thời điểm nhất định tuyên bố vỡ hội rồi trả lại tiền hội sống cho những hội viên đã đóng. Lãi suất nếu có vẫn thấp hơn nhiều so với việc vay tiền ngân hàng mà không cần phải thế chấp tài sản. Điều này làm mất đi ý nghĩa tương trợ của việc chơi hội, cho thấy có việc lợi dụng kẽ hở trong các quy định của pháp luật để trục lợi cho bản thân. Do đó, đề nghị sửa đổi quy định về lãi suất trong Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trả lời:

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biều phường đã không còn phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 144/2006, theo đó nội dung về lãi suất trong họ có lẽ được quy định như sau:

“Thành viên trong họ có lẽ có thể đưa ra mức lãi mà mình trả cho các thành viên khác để được lĩnh họ nhưng lãi suất lĩnh họ không vượt quá giới hạn 20%/năm.

Trường hợp lãi suất lĩnh họ cao hơn 20%/năm thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Trường hợp mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất trong họ có lẽ cũng không được vượt quá giới hạn được điều chỉnh”.

Quy định nêu trên mang tính nguyên tắc chung, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và bảo đảm phù hợp với đặc thù của loại giao dịch này.

- Kiến nghị số 6: *Về quy định thời gian trả lời kiến nghị cho Viện kiểm sát: “Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định: trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính, khi phát hiện vi phạm ít nghiêm trọng của Cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án cùng cấp, các cơ quan hữu quan thì Viện kiểm sát ban hành kiến nghị khắc phục vi phạm, tuy nhiên cả hai Luật đều không quy định thời gian đơn vị được kiến nghị trả lời kiến nghị cho Viện kiểm sát, dẫn đến việc trả lời kiến nghị tùy tiện, hoặc trường hợp không chấp nhận kiến nghị của Viện kiểm sát, không trả lời kiến nghị thì bước tiếp theo Viện kiểm sát cần phải làm gì? Do đó, cần bổ sung quy định về thời gian Cơ quan thi hành án dân sự trả lời kiến nghị cho Viện kiểm sát nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của Cơ quan thi hành án dân sự được thực hiện nghiêm túc.*

Trả lời:

* Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Điều 34, Điều 35 Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-VKSTC ngày 20/12/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây viết tắt là Quy chế số 810) có quy định về việc các cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án, cơ quan hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về thời gian trả lời kiến nghị của các cơ quan này thì pháp luật lại chưa có quy định.

Trước mắt, để giải quyết vướng mắc này, có thể thực hiện một số biện pháp sau:

(1) Xây dựng Quy chế phối hợp công tác liên ngành, trong đó quy định cụ thể thời hạn cơ quan bị kiến nghị trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát.

(2) Văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan bị kiến nghị trả lời kiến nghị.

* Trường hợp các cơ quan bị kiến nghị không chấp nhận kiến nghị của Viện kiểm sát, không trả lời Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát đã ban hành kiến nghị phải báo cáo với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và gửi kèm theo tài liệu có liên quan. Sau khi nhận được báo cáo và tài liệu kèm theo của Viện kiểm sát cấp dưới, báo cáo của cơ quan bị kiến nghị, Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm xem xét giải quyết. Trường hợp đồng ý với kiến nghị của Viện kiểm sát cấp dưới thì ban hành văn bản nêu rõ quan điểm của mình. Trường hợp không đồng ý với một phần hoặc toàn bộ kiến nghị của Viện kiểm sát cấp dưới thì Viện kiểm sát cấp trên có văn bản yêu cầu Viện kiểm sát đã kiến nghị rút, sửa đổi, bổ sung kiến nghị hoặc trực tiếp ra quyết định rút một phần hoặc toàn bộ kiến nghị (khoản 4 Điều 34 và khoản 2 Điều 35 Quy chế số 810).

Viện kiểm sát đã kiến nghị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện kiến nghị của cơ quan bị kiến nghị; trường hợp cần thiết thì tiến hành phúc tra việc thực hiện kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan bị kiến nghị kiểm tra việc thực hiện kiến nghị và báo cáo kết quả cho Viện kiểm sát hoặc trực tiếp kiểm sát để phúc tra việc thực hiện các kiến nghị (khoản 3 Điều 34 và khoản 3 Điều 35 Quy chế số 810).

- Kiến nghị số 7: Khi phát hiện vi phạm nghiêm trọng của Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp thì Viện kiểm sát ban hành kháng nghị khắc phục vi phạm và Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp phải trả lời bằng văn bản cho Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kháng nghị.

Điểm b khoản 2 Điều 161 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) có quy định:

“...b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có quyết định, hành vi bị kháng nghị phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp xem xét và trả lời trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành”.

Như vậy, khi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không được chấp nhận thì Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đồng thời, Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp xem xét và trả lời trong thời hạn 30 ngày và văn bản đó có hiệu lực thi hành mà không cần có sự thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, dẫn đến chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát chưa được thực hiện đầy đủ.

Trả lời:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Quy chế số 810 thì trường hợp xét thấy văn bản trả lời của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp không có căn cứ, trái với quan điểm của Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh báo cáo Vụ Kiểm sát thi hành án dân sự để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Nếu thấy kháng nghị có căn cứ, đúng pháp luật thì Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản yêu cầu lãnh đạo Bộ Tư pháp xem xét lại văn bản trả lời của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

- Kiến nghị số 8: Trung tâm bán đấu giá tài sản được xem là cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thi hành án. Theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân thì Viện kiểm sát có thẩm quyền tiến hành kiểm sát nhưng hình thức kiểm sát như thế nào, trực tiếp kiểm sát hay kiểm sát trên hồ sơ thì Luật chưa quy định rõ, thành phần tham gia bán đấu giá bắt buộc phải có Kiểm sát viên hay không Luật chưa quy định, khi tiến hành bán đấu giá thì Trung tâm bán đấu giá tài sản phải có

trách nhiệm thông báo cho Viện kiểm sát biết hay không? Việc này cũng chưa quy định cụ thể rõ ràng nên việc kiểm sát đối với các tổ chức dịch vụ đấu giá tài sản chưa thực hiện thống nhất. Khi tiến hành kiểm sát việc bán đấu giá thì Kiểm sát viên có quyền được kiểm sát hoạt động điều khiển việc bán đấu giá của Đấu giá viên hay không Luật cũng chưa quy định rõ ràng nên Viện kiểm sát cũng còn bị động trong thực hiện chức năng này. Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng chưa thống nhất vấn đề này. Đề nghị Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét hướng dẫn để thực hiện thống nhất.

Trả lời:

Theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Viện kiểm sát nhân dân có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự, trong đó có *hoạt động thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án* của Tổ chức thẩm định giá, Tổ chức đấu giá tài sản. Khi kiểm sát *việc tuân theo pháp luật trong việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án*, Viện kiểm sát nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Điều 12 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trong đó có các quyền trực tiếp kiểm sát, yêu cầu, kiến nghị. Tuy nhiên, hoạt động *thẩm định giá tài sản thi hành án và bán đấu giá tài sản thi hành án* chỉ là một trong các hoạt động thẩm định giá và bán đấu giá tài sản của Tổ chức thẩm định giá và Tổ chức đấu giá tài sản; để hoạt động kiểm sát không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ chức thẩm định giá và Tổ chức đấu giá tài sản, Điều 25 Quy chế số 810 quy định: “*Việc trực tiếp kiểm sát tại cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến thi hành án dân sự chỉ tiến hành khi có căn cứ cho rằng có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự*”. Do vậy, để kiểm sát hoạt động bán đấu giá, thẩm định giá tài sản thi hành án của Tổ chức đấu giá tài sản, Tổ chức thẩm định giá, Viện kiểm sát nhân dân các cấp chủ yếu áp dụng phương thức kiểm sát sau: Tham gia phiên đấu giá để kiểm sát việc bán đấu giá tài sản thi hành án; yêu cầu Tổ chức thẩm định giá, Tổ chức đấu giá cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các vụ việc thẩm định giá và bán đấu giá tài sản thi hành án để kiểm sát, kết luận; kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án, yêu cầu xem xét trách nhiệm pháp lý của người có vi phạm và có biện pháp phòng ngừa vi phạm.

- Kiến nghị số 9: Khoản 1, Điều 63, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính: “*Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ*

tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”. Thực tế cho thấy, sau khi ra các quyết định nêu trên, Cơ quan điều tra phải chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát để cơ quan này kiểm sát căn cứ của việc ra các quyết định đó, sau đó Viện kiểm sát có quyết định đồng ý hoặc không đồng ý. Vì vậy, việc quy định “...trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính” gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề xuất cơ quan giải quyết đối với kiến nghị nêu trên là Bộ Tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng sẽ lưu ý nội dung kiến nghị này của cử tri trong quá trình tham gia góp ý xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Kiến nghị số 10: *Hiện nay, chưa có quy định cụ thể thời hạn Hội đồng hợp xét ra quyết định xét tha tù trước thời hạn có điều kiện là bao nhiêu ngày nên gây khó khăn cho công tác kiểm sát.*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 368 BLTTHS năm 2015 thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan đề nghị, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Như vậy, Luật đã có quy định khá cụ thể về thời hạn Hội đồng hợp xét ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân thủ thời hạn mở phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện nêu trên của Chánh án Tòa án.

- Kiến nghị số 11: *Trong thực tiễn thi hành án, nhiều vụ án mà người phải thi hành án và gia đình họ đã bỏ địa phương đi nhiều năm không về địa phương và không có tài sản nhà, đất ở địa phương, đến địa phương khác sinh sống phạm tội hình sự (trộm cắp, cướp giật, buôn bán ma túy,...) nên Cơ quan thi hành án dân sự địa phương nơi người đó phạm tội ủy thác thi hành án phần án phí, phạt, sung công (mức tiền dưới năm triệu đồng) về địa phương nơi cư trú tổ chức thi hành; hồ sơ việc án tồn đọng trên 10 năm nhưng không thể xác định được địa chỉ, nhưng Cơ quan thi hành án dân sự vẫn phải theo dõi hồ sơ, tổ chức xác minh dẫn đến tốn nhiều công sức và chi phí xác minh, gây lãng phí ngân sách nhà nước.*

Đề nghị: Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu và có văn bản hướng dẫn và quy định để các cơ quan liên quan là Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương thực hiện.

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì “Cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác không được trả lại quyết định ủy thác cho Cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác”, tức là Cơ quan thi hành án dân sự sau khi tiếp nhận quyết định ủy thác cần tiến hành việc xác minh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xác minh không có điều kiện thi hành án (Ví dụ: người phải thi hành án và gia đình họ đã bỏ địa phương đi nhiều năm, không về địa phương và không có tài sản nhà, đất ở địa phương) thì Cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy thác cần vận dụng điểm c khoản 1 Điều 44a Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), khoản 5 Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự để ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án tiếp tục theo dõi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 44a Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Việc theo dõi này là để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

- **Kiến nghị số 12:** Kiến nghị sửa đổi khoản 2, Điều 9 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ để số hộ thể hiện các nội dung cơ bản, đặc biệt là nội dung “chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hộ và lĩnh hộ”. Vì khi phát sinh tranh chấp về hộ, chủ hộ thường cung cấp số hộ để làm chứng cứ cho việc giải quyết vụ án. Nếu không có các nội dung cơ bản trong sổ hộ đơn giản chỉ là tờ giấy do chủ hộ ghi và cung cấp, trong một số trường hợp không có giá trị pháp lý trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị sửa khoản 2, Điều 9 của Nghị định như sau:

“Tùy theo từng loại hộ, sổ hộ phải có các nội dung cơ bản sau:

- Tên, địa chỉ của chủ hộ và các thành viên trong hộ;
- Phần hộ, kỳ mở hộ, thể thức góp hộ và lĩnh hộ;
- Số tiền, tài sản khác đã góp hộ hoặc đã lĩnh hộ;
- Việc chuyển giao phần hộ;
- Việc ra khỏi hộ và chấm dứt hộ;
- Chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hộ và lĩnh hộ”. Đề nghị bổ sung thêm quy định: Khi hội viên góp hộ hoặc nhận hộ thì chủ hộ có trách nhiệm phải cấp biên nhận cho hội viên nhằm đảm bảo khả năng cung cấp chứng cứ của cả hội viên và chủ hộ khi có tranh chấp xảy ra.

Liên ngành Trung ương quy định rõ và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự để xử lý các vụ võ hội có dấu hiệu tội phạm nghiêm trọng, răn đe chung, hạn chế các vụ võ hội gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định mới thay thế Nghị định số 144/2006/NĐ-CP quy định về họ, họ, biếu, phườg. Dự thảo Nghị định đã có nhiều sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, hạn chế rủi ro của người tham gia dây họ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Theo đó, văn bản thỏa thuận về dây họ phải có những nội dung sau đây:

- a) Họ, tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú của chủ hộ;
- b) Số lượng thành viên; họ, tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú của thành viên;
- c) Phân hộ;
- d) Thời gian diễn ra dây họ, kỳ mở họ;
- đ) Thẻ thức góp họ;
- e) Thẻ thức lĩnh họ;
- g) Quyền và nghĩa vụ của người tham gia dây họ.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy từng loại họ, văn bản thỏa thuận về dây họ có thể có các nội dung sau đây:

- a) Lãi suất của họ có lãi;
- b) Mức hưởng hoa hồng của chủ họ đối với họ hưởng hoa hồng;
- c) Trách nhiệm ký quỹ hoặc biệp pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác của chủ họ;
- d) Việc chuyển giao phần họ;
- e) Gia nhập dây họ;
- g) Rút khỏi dây họ;
- h) Chấm dứt dây họ;
- i) Nội dung khác theo thỏa thuận.

Đồng thời, Điều 13 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về giấy biên nhận như sau: “Khi góp phần họ, lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có thể yêu cầu chủ họ hoặc người lập và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận ghi nhận về giao dịch cụ thể đó”.

- Kiến nghị số 13: Đối với việc thực hiện Bộ luật Hình sự 2015

Phân loại tội phạm tại Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

- a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Với quy định này thì các tội quy định về xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội xâm phạm tính mạng con người, như tội “Giết người” ..., ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội đều có mức hình phạt từ 05 năm tù trở xuống, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng.

Tại Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định giữ người trong trường hợp khẩn cấp: “Khi thuộc một trong các trường hợp khẩn cấp sau đây thì được giữ người:

a) Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Như vậy, quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự đã gây ra cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau. Ví dụ: Tội “Giết người” ..., ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, theo quy định tại Khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khi phát hiện một người có hành vi chuẩn bị phạm tội, Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn, trường hợp này có nơi Viện kiểm sát đồng ý phê chuẩn, có nơi Viện kiểm sát không đồng ý phê chuẩn.

Do đó, để việc áp dụng pháp luật chính xác và đạt hiệu quả đề nghị liên ngành Trung ương kịp thời có hướng dẫn nhằm đảm bảo tính thống nhất khi xử lý tình huống trên.

Trả lời:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 thì khi “Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện **tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng**”, cơ quan có thẩm quyền có thể giữ người. Quy định nêu trên cần được hiểu là loại tội phạm mà người phạm tội muốn hướng đến thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, chứ không căn cứ vào mức hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội đó để phân loại tội phạm.

- **Kiến nghị số 14:** Quy định việc tách thửa chưa có sự thống nhất giữa Luật và Nghị định.

Theo Luật Đất đai năm 2013 chỉ cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định diện tích tối thiểu tách thửa đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị cụ thể:

- Tại khoản 2 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013: “Căn cứ vào quỹ đất của địa phương và quy hoạch phát triển nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở phù hợp với điều kiện và tập quán tại địa phương”.

- Tại khoản 4 Điều 144 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị và quỹ đất của địa phương quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở”.

Tuy nhiên, tại Điều 31 bổ sung Điều 43d của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai lại cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định diện tích tối thiểu tách thửa với tất cả các loại đất, cụ thể: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương”.

Từ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 và Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm sát giải quyết các vụ việc tranh chấp về đất đai, gặp phải một số vướng mắc sau:

- Theo hướng dẫn và đường lối giải quyết tranh chấp đất đai từ trước đến nay nếu người đang ở nhờ trên đất mà không có nơi khác để di dời thì phải tạo điều kiện về chỗ ở. Cụ thể vẫn cho ở và trả giá trị quyền sử dụng đất lại cho chủ đất. Tuy nhiên, nếu diện tích đất đang ở nhờ không đủ để tách thửa theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải buộc họ trả đất, như vậy việc tạo một chỗ ở mới sẽ gặp khó khăn khi họ không có khả năng để mua đất khác.

- Trường hợp tương tự những người ở nhờ có đất khác và quá trình tranh chấp với chủ sử dụng đất mà họ đang ở nhờ thì người ở nhờ lại sang nhượng thửa đất nơi khác và mặc nhiên xem như họ không còn nơi nào khác để di dời. Trường hợp này nếu buộc họ trả đất thì không có nơi di dời, còn buộc trả giá trị quyền sử dụng đất cho chủ đất mà họ đang ở thì thiệt thòi cho chủ đất.

- Khi giải quyết thừa kế đất của cha mẹ để lại: Khi có tranh chấp yêu cầu chia thừa kế, tâm nguyện của cha mẹ và một số các con muốn giữ lại một phần đất của cha mẹ để làm kỉ niệm nhưng nếu tách nhiều thửa không đủ diện tích thì phải giao cho một người nào đó và người đó hoàn lại giá trị tương đương cho đồng thừa kế khác. Nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người được giao bằng hiện vật có quyền sang nhượng mà không thông báo cho các đồng thừa kế khác thì xem như tâm nguyện của cha mẹ và một số đồng thừa kế khác không thực hiện gây nên sự mâu

thuần, bất hòa trong mối quan hệ gia đình tạo ra sự tranh chấp trong nhân dân cũng tăng lên.

Để việc áp dụng pháp luật chính xác và đạt hiệu quả đề nghị liên ngành Trung ương kịp thời có hướng dẫn nhằm đảm bảo tính thống nhất khi xử lý các tình huống trên.

Trả lời:

Điều 143 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*chỉ cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định diện tích tối thiểu tách thửa đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị...*”.

Trong khi đó, tại Điều 31 bổ sung Điều 43d của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai lại cho phép Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định *diện tích tối thiểu được tách thửa đất đối với từng loại đất*.

Như vậy, quy định về loại đất mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định diện tích tối thiểu tách thửa giữa Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP là không có sự thống nhất.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi Trường đang chủ trì xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013, theo đó, dự án Luật dự kiến được trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV (khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08/6/2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018). Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ tham gia góp ý đối với nội dung kiến nghị nêu trên của cử tri để khắc phục những bất cập đang diễn ra hiện nay ở tỉnh Bến Tre cũng như ở một số địa phương khác trong cả nước.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang:

- **Kiến nghị số 1:** Khoản 4 Điều 123 BLTTHS quy định: “*Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của bộ luật này*”. Trong thực tế nhiều trường hợp phải gia hạn thời hạn điều tra vụ án. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự lại không có quy định việc gia hạn thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vậy, khi gặp trường hợp như nêu trên thì sẽ giải quyết như thế nào? Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm có văn bản hướng dẫn để thống nhất thực hiện.

Trả lời:

Xem trả lời tại Kiến nghị số 1 của cử tri tỉnh Bến Tre.

- **Kiến nghị số 2:** Cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại Điều 123; Tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 124 là 2 biện pháp ngăn chặn có cùng mục đích là đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử. Nội dung của Điều 123 đã thể hiện rõ người bị áp dụng biện pháp cấm đi

khỏi nơi cư trú thì không thể đi xuất cảnh được. Do vậy, không cần thiết phải có mệnh lệnh điều luật quy định về tạm hoãn xuất cảnh vì quy định như vậy dẫn đến chồng chéo.

Trả lời:

Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh là 02 biện pháp ngăn chặn cùng mục đích là bảo đảm sự có mặt của người bị buộc tội theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, tuy nhiên 02 biện pháp này được áp dụng với đối tượng khác nhau, phạm vi, mức độ ngăn chặn cũng khác nhau. Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú chỉ được áp dụng với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, không bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong khi đó, biện pháp tạm hoãn xuất cảnh còn có thể áp dụng đối với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, không có tiền án, tiền sự, không bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Để hạn chế tình trạng bị can, bị cáo, đặc biệt là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố lợi dụng sơ hở để xuất cảnh ra nước ngoài nhằm bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, vụ việc thì việc bổ sung biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh tại BLTTHS năm 2015 là phù hợp, không bị chồng chéo.

- Kiến nghị số 3: Điều 171 BLTTHS quy định ủy thác điều tra, tuy nhiên không có quy định về trình tự thủ tục tiến hành. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, văn bản hướng dẫn cụ thể: Khi Cơ quan điều tra nhận được Quyết định ủy thác điều tra thì có phải ra Quyết định phân công Phó thủ trưởng và phân công Điều tra viên Cán bộ điều tra để thực hiện hay không?

Trả lời:

Điều 30 Thông tư liên tịch số 04/2018 đã quy định cụ thể về việc phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong trường hợp ủy thác điều tra. Theo đó, khi nhận được ủy thác điều tra mà xét thấy hoạt động điều tra được ủy thác phức tạp, kéo dài thì Cơ quan điều tra được ủy thác phải phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên tiến hành điều tra những việc được ủy thác; Việc kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra được ủy thác phải phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiến hành hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra được ủy thác.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS

1. Trong việc chứng minh bị can có dấu hiệu bỏ trốn để áp dụng biện pháp tạm giam, cụ thể: Theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 119 BLTTHS năm 2015, trường hợp bị can phạm tội nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm và có căn cứ xác định bị can có dấu hiệu bỏ trốn thì có thể áp dụng biện pháp tạm giam. Tuy nhiên, Luật không quy định cụ thể dấu hiệu bỏ trốn là như thế nào? Mặt khác, việc chứng minh bị can có dấu hiệu bỏ trốn rất khó khăn.

Do đó, đã xảy ra trường hợp, Cơ quan điều tra không được tạm giam bị can mà áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị can đã bỏ trốn, gây khó

khẩn, phức tạp cho công tác điều tra, giải quyết vụ án hình sự. Đề nghị cần có văn bản quy định cụ thể nội dung này để thống nhất thực hiện.

2. Đề nghị quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo, bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Đối với trường hợp bị cáo, bị hại, đương sự trong giai đoạn điều tra, truy tố chưa đủ 18 tuổi nhưng khi xét xử đã đủ 18 tuổi thì người đại diện hợp pháp của họ có cần thiết phải có mặt không? Quyền kháng cáo của người đại diện trong trường hợp này như thế nào?

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 277 BLTTHS như sau: "Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can mà Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố với một hoặc một số bị can trước khi có quyết định xét xử, Tòa án đình chỉ vụ án đối với bị can đó và quyết định này bị kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án ra quyết định xét xử đối với các bị can còn lại ngay sau khi nhận được quyết định giải quyết kháng cáo, kháng nghị của Tòa án cấp phúc thẩm".

4. Điều 110 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện: trong thời gian 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp... Cơ quan điều tra phải tiến hành rất nhiều thủ tục và hoạt động điều tra, để kịp thời ra lệnh bắt hoặc trả tự do. Lệnh bắt phải gửi Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp xét phê chuẩn.

Theo quy định của luật là nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền của con người. Tuy nhiên, cũng gây khó khăn cho cơ quan điều tra khi thực hiện, vì có thêm nhiều thủ tục phải thực hiện kèm theo. Mặt khác, khi tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp của một vụ án phức tạp, số người giữ lớn, mà thời gian để tiến hành các hoạt động sau đó ngắn, gây khó khăn cho cơ quan điều tra.

Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi quy định này không trái với quy định của Hiến pháp, tuy nhiên cần phù hợp hơn với thực tiễn, để đảm bảo tính khả thi, thuận lợi khi áp dụng.

5. Đề nghị xem xét sửa đổi về trình tự thủ tục khởi tố bị can quy định tại Điều 179 theo hướng rút gọn hơn (như quy định của BLTTHS cũ), vì quy định về thủ tục khởi tố bị can tại điều luật này quá rườm rà, không đáp ứng đúng mục đích của việc cải cách hành chính trong tố tụng hình sự.

6. Điều 195 quy định thành phần chứng kiến khi khám xét chỗ ở, nơi làm việc, phương tiện phải có "02 người chứng kiến" để đảm bảo tính khách quan. Tuy nhiên, trên thực tế khi áp dụng quy định này tại các địa phương có địa hình phức tạp, địa lại khó khăn, dân cư sinh sống thưa thớt, cách biệt với nhau (miền núi, vùng sâu, vùng xa...) thì khó đảm bảo thực hiện điều kiện này. Do đó, đề nghị cần có quy định hướng dẫn cụ thể để đảm bảo tính khả thi thực hiện.

Trả lời:

1. Đối với nội dung thứ nhất nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề xuất cơ quan giải quyết là Tòa án nhân dân tối cao vì đề hướng dẫn thế nào là bị can “có dấu hiệu bỏ trốn” quy định tại Điều 119 BLTTHS năm 2015 thì cần phải có Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Liên quan đến nội dung này, ngày 29/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã có Công văn số 3652/VKSTC-V14 gửi Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Tòa án nhân dân tối cao ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự, BLTTHS, trong đó có tình tiết này.

2. * Theo quy định của BLTTHS năm 2015, người đại diện của bị can, bị cáo, bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có những quyền và nghĩa vụ sau:

- Người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự (khoản 1 Điều 155).

- Người đại diện của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền mời người bào chữa (Điều 76), thay đổi hoặc từ chối người bào chữa (Điều 77).

- Người đại diện của bị can, bị cáo, bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, khi đó, họ có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự theo quy định tại Điều 73, Điều 84 BLTTHS năm 2015.

- Người đại diện của người dưới 18 tuổi có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án (từ Điều 420 đến Điều 423) như: được tham gia việc lấy lời khai, hỏi cung người dưới 18 tuổi; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo; đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội người dưới 18 tuổi trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra...

- Người đại diện của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm (Điều 331).

* Theo quy định tại Điều 413 BLTTHS năm 2015, thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi quy định tại Chương XXVIII BLTTHS chỉ áp dụng đối với người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi. Do vậy, đối với trường hợp bị cáo, bị hại, đương sự trong giai đoạn điều tra, truy tố chưa đủ 18 tuổi nhưng khi xét xử đã đủ 18 tuổi thì khi tiến hành xét xử không phải áp dụng thủ tục tố tụng đặc biệt này. Có nghĩa là, phiên tòa xét xử bị cáo đã đủ 18 tuổi trong trường hợp này cũng không phải có mặt người đại diện của bị cáo.

3. Đây là kiến nghị đề nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, Bộ luật này mới có hiệu lực từ 01/01/2018 nên việc xem xét sửa đổi, bổ sung cần phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Để áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề xuất cơ quan giải quyết trước mắt kiến nghị

này là Tòa án nhân dân tối cao, vì đây là kiến nghị liên quan trong giai đoạn xét xử và chỉ Tòa án nhân dân tối cao mới có thẩm quyền ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.

4. Đây là kiến nghị đề nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, Bộ luật này mới có hiệu lực từ 01/01/2018 nên việc xem xét sửa đổi, bổ sung cần phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Với trách nhiệm là cơ quan chủ trì soạn thảo BLTTHS, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ lưu ý kiến nghị nêu trên của cử tri để nghiên cứu, đề xuất trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật.

Để thuận lợi và tạo sự thống nhất trong quá trình áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Điều 15 Thông tư liên tịch số 04/2018 đã quy định khá cụ thể về việc phối hợp áp dụng biện pháp này như sau:

“1. Khi đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra phải có văn bản nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ, tài liệu chứng minh căn cứ bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, cụ thể là:

a) Nếu giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trong hồ sơ phải có chứng cứ, tài liệu chứng minh rõ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Nếu giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trong hồ sơ phải có biên bản ghi lời khai của người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm và các tài liệu hoặc căn cứ xác định người đó bỏ trốn nếu không bị giữ;

c) Nếu giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trong hồ sơ phải có chứng cứ, tài liệu xác định có dấu vết, tài liệu, đồ vật của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm đó; tài liệu, căn cứ xác định người đó bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

2. Trường hợp Kiểm sát viên trực tiếp gặp, hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp để xem xét, quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, thì Kiểm sát viên thông báo cho Điều tra viên, Cán bộ điều tra để phối hợp thực hiện. Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm phối hợp với Kiểm sát viên trong việc gặp, hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Biên bản ghi lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp do Kiểm sát viên lập phải được đưa vào hồ sơ vụ án.

3. Việc ra quyết định tạm giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được thực hiện trong thời hạn 12 giờ kể từ khi Cơ quan điều tra giữ người hoặc nhận người bị giữ (chưa cần có quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp).

cấp của Viện kiểm sát). Quyết định tạm giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được ra trước hoặc cùng với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

4. Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Điều tra viên phải lập biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp tại cơ sở giam giữ. Người chứng kiến việc lập biên bản là cán bộ của cơ sở giam giữ.

5. Trường hợp Cơ quan điều tra đang thụ lý hồ sơ vụ án đề nghị Cơ quan điều tra khác hoặc những người quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự phối hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thì ngay sau khi thực hiện việc giữ người, Cơ quan điều tra và những người được đề nghị phối hợp phải thông báo ngay cho Cơ quan điều tra đã đề nghị đến nhận người bị giữ và các tài liệu có liên quan; đồng thời phối hợp trong việc áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về đến trụ sở Cơ quan điều tra. Tài liệu đề nghị phối hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải được đưa vào hồ sơ vụ án.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp có thể fax hoặc gửi bản ảnh lệnh đó qua phương tiện điện tử cho cơ quan, người được đề nghị phối hợp thực hiện việc giữ người nhưng sau đó phải gửi bản chính để đưa vào hồ sơ vụ án”.

5. So với quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003 thì Điều 179 BLTTHS năm 2015 chỉ bổ sung trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn. Quy định này là cần thiết nhằm tạo cơ sở để Viện kiểm sát có đầy đủ căn cứ quyết định việc phê chuẩn bị can, hạn chế oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

6. Theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 195 BLTTHS năm 2015 thì không phải trường hợp nào khi khám xét chỗ ở, nơi làm việc, phương tiện cũng bắt buộc phải có 02 người chứng kiến. Chỉ trong các trường hợp: (1) khi khám xét chỗ ở mà người có chỗ ở bị khám xét và người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở có tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn; (2) khi khám xét nơi làm việc mà không có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc; (3) khi khám xét phương tiện mà chủ sở hữu hoặc người quản lý phương tiện vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì bắt buộc phải có 02 người chứng kiến.

Đây là quy định mới của BLTTHS năm 2015 nhằm bảo đảm sự chặt chẽ, khách quan, tránh lạm quyền, tùy tiện trong hoạt động tố tụng hình sự. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cần chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, tránh vi phạm thủ tục tố tụng.

Trên đây là trả lời của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với kiến nghị của cử tri các tỉnh Bến Tre, Tuyên Quang và Bắc Kạn; trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh Bến Tre, Tuyên Quang và Bắc Kạn để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện (để b/c);
- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để b/c);
- Vụ 12, VKSTC;
- Lưu: VT, V14.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Công Phàn

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG
Số: 18/SY-ĐĐBQH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên theo dõi;
- Lưu: VT.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Quang Thắng